TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2018/DS-ST Ngày: 13-3-2018. V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trí

Bà Võ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 02 và ngày 09, 13 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:398/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1958; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Dương Tấn K, sinh năm:1983; Nơi cư trú: Ấp 3, xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Trần Thị Kim Đ, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2017, biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2018, biên bản hòa giải ngày 13/12/2017, ngày 29/12/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Đoàn Văn L trình bày:

Khoảng ngày 05/3/2016 (DL) thì anh Dương Tấn K có hỏi ông L vay số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) để đáo hạn ngân hàng, không biết vay ngân hàng nào, lãi suất 200.000đ/100.000.000đ/1 ngày, do vay tiền nóng, anh K hẹn 2-3 ngày sau trả lại tiền và có làm biên nhận nợ, anh K đã đóng lãi cho ông được khoảng 10 ngày là 5.000.000đ tiền lãi. Ngày 15/3/2016(DL) anh K đến nhà trả cho ông được số tiền 70.000.000đ, yêu cầu xóa bỏ biên nhận số tiền 250.000.000đ, viết lại biên nhận khác với số tiền vay là 180.000.000đ, lãi suất là 3%/tháng, anh K nói là không có khả năng đóng lãi cho ông nên kêu chuyển qua tiền tháng, thỏa thuận miệng 01 tháng sau trả tiền, không ghi thời hạn trả.

Sau khi làm biên nhận ngày 15/3/2016(DL) thì anh K không có đóng lãi cũng như trả gốc số tiền đã vay cho ông, nhiều lần ông yêu cầu anh K trả lại tiền vay, đến ngày 11/11/2016 anh K viết tờ cam kết hứa đến ngày 18/11/2016 sẽ trả dứt số tiền nợ gốc, lãi theo biên nhận nợ ngày 15/3/2016, tờ cam kết này do anh K tự viết và ký tên tại nhà của ông, chỉ có ông và anh K, ngoài ra không còn ai khác.

Đến ngày 18/11/2016 anh K không thực hiện đúng như cam kết ngày 11/11/2016 không có trả gốc, lãi số tiền nợ cho ông, do anh K là đảng viên, công tác tại công an xã M nên ông có gửi đơn thưa anh K đến Đảng ủy xã M. Ngày 07/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, Đảng ủy xã M có mời ông L và ông K đến tại phòng làm việc của ông Bùi Xuân T, chức vụ Phó bí thư Đảng ủy xã M, cùng với sự chứng kiến của ông Ngô Văn D, chức vụ Bí Thư Đảng ủy xã Tân M, thì anh K tự viết tờ cam kết ngày 07/02/2017 hứa đến ngày 16/5/2017(DL) sẽ trả số tiền gốc lãi cho ông là 217.800.000đ, với lãi suất là 1%/tháng của số tiền gốc là 180.000.000đ.

Đến ngày 16/05/2017 thì anh K không thực hiện đúng như theo cam kết với ông, ông nhiều lần đến gặp anh K, anh K hứa bán đất cho lò gạch để trả tiền cho ông nhưng cũng không trả. Sau đó anh K bỏ đi Bình Dương làm và có về địa phương nhưng vẫn không trả tiền nợ nên ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình yêu cầu anh K, chị Trần Thị Kim Đ (là vợ anh K) trả lại tiền nợ cho ông. Khi vay tiền thì chỉ có một mình anh K và anh K ký tên trong biên nhận nhận tiền không có mặt của chị Đ, nhưng sau nhiều lần vô nhà anh K đòi tiền có gặp mặt chị Đ nói việc anh kiệt nợ tiền, chị Đ cũng có năn nỉ ông L cho anh K thời gian làm để trả nợ cho ông.

Nay ông L yêu cầu vợ chồng anh Dương Tấn K và chị Trần Thị Kim Đ liên đới trả lại cho ông số tiền nợ gốc là 180.000.000đ, lãi suất là 1%/ tháng tính từ ngày 15/3/2016(DL) đến ngày tòa án xét xử.

Bị đơn anh Dương Tấn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh K và chị Đ không cung cấp văn bản ý kiến

về việc yêu cầu khởi kiện của ông L, cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh K, chị Đ về yêu cầu của ông Lầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, riêng đối với bị đơn anh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đ được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc anh K phải trả lại cho ông L số tiền vay còn thiếu 180.000.000đ và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/3/2016 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

- Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, anh Kiệt, chị Đoan hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp 3, xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay anh K, chị Đ vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy anh K, chị Đ đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng anh K, chị Đ vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện ngày 24/10/2017, Công an xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xác nhận anh K, chị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, hiện nay đi làm ăn nơi khác, thường đi đi về về là đúng. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong biên nhận nợ ngày 15/3/2016, tờ cam kết ngày 11/11/2016, tờ cam kết ngày 07/02/2017, bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được xem là cố tình giấu địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị Đ là phù hợp và đúng theo

quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ biên nhận nợ ngày 15/03/2016(DL), ông L khởi kiện yêu cầu anh K, chị Đ trả lại số vay còn nợ là 180.000.000đ và tính lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/3/2016(DL) cho đến nay, vì cho rằng anh K, chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, giao dịch này đã được thực hiện năm 2016, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Đoàn Văn L khởi kiện yêu cầu ông Dương Tấn K và chị Trần Thị Kim Đ trả lại số tiền vay gốc là 180.000.000đ và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/3/2016 cho đến khi xét xử, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 15/3/2016 (DL), tờ cam kết ngày 11/11/2016 và ngày 07/02/2017(DL), đồng thời lời khai của người làm chứng ông Bùi Xuân T, ông Ngô Văn D có chứng kiến việc ông K viết cam kết, từ đó cho thấy việc ông L cho anh K vay tiền là có thật đã xảy ra, anh K đã nhận đủ tiền, sau đó còn đóng lãi cho ông L, rồi viết cam kết đến 02 lần, nhưng đến nay anh K không thực hiện đúng nội dung cam kết, tại phiên tòa ông L yêu cầu anh K, chị Đ trả lại số tiền nợ gốc 180.000.000đ, đồng thời tính lãi suất 1%/tháng tính đến ngày xét xử là 180.000.000đ x 1%/tháng x 23 tháng, 26 ngày = 42.804.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 463, 468 BLDS năm 2015.

Đối với yêu cầu của ông L buộc chị Đ có trách nhiệm liên đới cùng với anh K trả lại số tiền nợ mà anh K đã vay. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai của ông L thì anh K vay tiền để đáo nợ ngân hàng, nhưng ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh K vay tiền để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, biên nhận nợ, tờ cam kết trả nợ không có chữ ký của chị Đ, chỉ có chữ ký của anh K, chị Đ cũng không có văn bản ý kiến đồng ý cùng anh K liên đới trả nợ cho ông L. Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì chị Đ không có trách nhiệm liên đới trả nợ với anh K, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông L buộc anh K, chị Đ có trách nhiệm liên đới số tiền nợ cho ông L là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn anh Dương Tấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn L buộc chị Trần Thị Kim Đ chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với anh K.

- Ông Đoàn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L đối với anh Dương Tấn K, chị Trần Thị Kim Đ.

Buộc anh Dương Tấn K có trách nhiệm cá nhân trả lại cho ông Đoàn Văn L số tiền vay còn nợ 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), lãi suất là 42.804.000đ (*Bốn mươi hai triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn đồng*), tổng cộng là 222.804.000đ (*Hai trăm, hai mươi hai triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

Khi ông Đoàn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Dương Tấn K chưa thi hành xong số tiền nợ trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chưa thi hành xong.

2/ Về án phí:

- Anh Dương Tấn K phải chịu 11.140.000đ (*Mười một triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đoàn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.877.000đ *(Năm triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* theo biên lai số BO/2014- 00663 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ